

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2026/DS-ST
Ngày: 02/4/2026
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bắc;

2. Bà Phạm Minh Thuận.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 485/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2026/QĐST-DS ngày 16/3/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q1 (N); địa chỉ: Số B, đường L, phường H, Thành phố Hà Nội (trước đây là phường L, quận H, Thành phố Hà Nội)

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Nguyễn Đình H1 – Trưởng bộ phận xử lý nợ

+ Bà Nguyễn Thùy L – Chuyên viên xử lý nợ

+ Bà Đậu Thị T – Chuyên viên cao cấp xử lý nợ

- **Bị đơn:** Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là ấp E, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (bà T) có mặt; bị đơn ông Q, bà H2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2025, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q1 (bà T) trình bày:*

Ông Hoàng Văn Q và bà Nguyễn Thị H2 đã ký kết hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ với Ngân hàng TMCP Q1 (sau đây gọi tắt là N) - Chi nhánh B cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay số 019/22/HĐCV-9370 ngày 25/02/2022 và Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/019/22/HĐCV-9370 ngày 25/02/2022: Số tiền nhận nợ: 4.600.000.000 đồng; Mục đích vay: Hoàn tiền mua bất động sản; Ngày nhận nợ: 25/02/2022; Thời hạn vay: 300 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân; Lãi suất kỳ đầu tiên: LSV kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 25/02/2023 là: 10,5%/năm; Lãi suất kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của Khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức LSV bằng (=) LSCS cộng (+) 3,90%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, áp dụng với nợ gốc quá hạn; Lãi chậm trả lãi: 10%/năm (365 ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Tỷ lệ phí trả nợ gốc trước hạn: Theo quy định NCB từng thời kỳ;

Ngày 25/02/2022, N đã giải ngân cho bên được thụ hưởng là ông Hoàng Văn Q và bà Nguyễn Thị H2 đã nhận nợ toàn bộ số tiền nêu trên theo Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/019/22/HĐCV-9370 ngày 25/02/2022.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Q và bà H2 đã thế chấp cho N tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 019/22/HĐTC-9370 ký ngày 25/02/2022, được công chứng ngày 25/02/2022 tại Văn phòng C, tỉnh Bình Dương, số công chứng 2246, quyền số 02/2022/TP/CC-SCC/HĐGD, được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 25/02/2022 tại Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B – Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện D; Biên bản thỏa thuận giá trị tài sản số 019/22/BBTTGTTS.01-9370 ký ngày 25/02/2022, tài sản là:

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 67, diện tích 3.817,3m², hình thức sử dụng: Sử dụng riêng, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng: Đến tháng 7/2072, nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất; tọa lạc tại: Ấp D, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp D, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CO 558491, số vào sổ cấp GCN: CS 03841 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 20/11/2018, cập nhật chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn Q ngày 28/01/2022, cập nhật thời hạn sử dụng đất ngày

16/02/2022.

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 88; tờ bản đồ số: 67; diện tích: 1.103,4m²; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: Đến tháng 7/2072; nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất; tọa lạc tại: Xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp D, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: CY 325908, số vào sổ cấp GCN: CS 05651 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 17/11/2020, cập nhật chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn Q ngày 28/01/2022, cập nhật thời hạn sử dụng đất ngày 16/02/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q và bà H2 đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho N nên khoản vay của ông Q và bà H2 đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 26/7/2023. Sau khi ông Q và bà H2 nợ quá hạn, N đã nhiều lần liên hệ ông Q và bà H2 để tạo điều kiện, đôn đốc nhiều lần yêu cầu trả nợ; gửi thông báo thu hồi nợ trước hạn, gửi thư mời làm việc nhưng ông Q và bà H2 không thực hiện nên đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của N. Ngày 04/3/2024, N đã phát hành thông báo khởi kiện số 285/2024/TB-NCB gửi cho ông Q và bà H2.

Tính đến ngày 17/7/2025, ông Hoàng Văn Q và bà Nguyễn Thị H2 đã thanh toán cho N tổng số tiền là: 945.184.213 đồng (nợ gốc: 245.345.218 đồng và nợ lãi: 699.838.995 đồng).

Tạm tính đến ngày 17/7/2025, ông Hoàng Văn Q và bà Nguyễn Thị H2 còn nợ N tổng số tiền là 5.688.291.367 đồng, bao gồm: Nợ gốc 4.354.654.782 đồng; Lãi trong hạn 1.141.523.227 đồng; Lãi quá hạn 75.430.634 đồng; Lãi chậm trả lãi 116.682.724 đồng.

Nay Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu như sau:

- Buộc ông Q và bà H2 thanh toán cho Ngân hàng N số tiền tạm tính đến ngày 17/7/2025 là: 5.688.291.367 đồng, bao gồm: nợ gốc 4.354.654.782 đồng; lãi trong hạn 1.141.523.227 đồng; lãi quá hạn 75.430.634 đồng; lãi chậm trả lãi 116.682.724 đồng.

- Buộc ông Q và bà H2 tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N số tiền lãi phát sinh từ ngày 18/7/2025 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 019/22/HĐCV-9370 ngày 25/02/2022 và Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/019/22/HĐCV-9370 ngày 25/02/2022.

- Trường hợp sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Q và bà H2 không thực hiện trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 019/22/HĐTC-9370 ký ngày 25/02/2022, được công chứng ngày 25/02/2022

tại Văn phòng C, tỉnh Bình Dương, số công chứng 2246, quyền số 02/2022/TP/CC-SCC/HĐGD.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Q và bà H2 vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q1.

Tại phiên tòa, Ngân hàng N yêu cầu ông Q và bà H2 thanh toán số tiền tính đến ngày xét xử (02/4/2026) là 6.211.922.358 đồng, trong đó nợ gốc 4.354.654.782 đồng; lãi trong hạn 1.510.720.910 đồng; lãi quá hạn 137.743.610 đồng; lãi chậm trả lãi 208.803.056 đồng.

Ngoài ra, bà T không có ý kiến gì khác.

** Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông Hoàng Văn Q và bà Nguyễn Thị H2 biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông Q, bà H2 vẫn vắng mặt không có lý do.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (Ngân hàng N) khởi kiện ông Hoàng Văn Q và bà Nguyễn Thị H2 yêu cầu thanh toán số tiền (tính đến hết ngày 02/4/2026) là 6.211.922.358 đồng theo Hợp đồng cho vay số 019/22/HĐCV-9370 ngày 25/02/2022 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/019/22/HĐCV-9370 ngày 25/02/2022. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Q, bà H2 có nơi cư trú tại khu phố L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là ấp E, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương) nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực số A -

Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hoàng Văn Q và bà Nguyễn Thị H2 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Q, bà H2 theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ: Hợp đồng cho vay số 019/22/HĐCV-9370 ngày 25/02/2022 và Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/019/22/HĐCV-9370 ngày 25/02/2022 được ký kết giữa Ngân hàng N với ông Hoàng Văn Q và bà Nguyễn Thị H2 trên cơ sở tự nguyện, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, các hợp đồng này có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận.

[2.2] Về việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng: Ngày 25/02/2022, Ngân hàng N đã thực hiện giải ngân số tiền 4.600.000.000 đồng cho ông Q và bà H2 theo đúng thỏa thuận. Như vậy, nghĩa vụ giải ngân của Ngân hàng N đã hoàn thành. Đối với bên vay, ông Q và bà H2 có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng thời hạn đã cam kết. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q và bà H2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ đúng hạn, dẫn đến khoản vay bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 26/7/2023. Do đó Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ trước hạn là phù hợp quy định tại Điều 11 Hợp đồng cho vay số 019/22/HĐCV-9370 ngày 25/02/2022.

[2.3] Về số tiền nợ: Ngân hàng N yêu cầu ông Q và bà H2 thanh toán số tiền tính đến ngày xét xử (02/4/2026) là 6.211.922.358 đồng, trong đó nợ gốc 4.354.654.782 đồng; lãi trong hạn 1.510.720.910 đồng; lãi quá hạn 137.743.610 đồng; lãi chậm trả lãi 208.803.056 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy việc tính lãi của N là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và không vượt quá giới hạn pháp luật cho phép. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập ông Q, bà H2 nhiều lần nhưng ông Q, bà H2 vẫn không có mặt, không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về yêu cầu tiếp tục tính lãi: Yêu cầu của N về việc buộc ông Q và bà H2 tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03/4/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ, phù hợp nên được chấp nhận.

[2.5] Về hợp đồng thế chấp và xử lý tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ, ông Q và bà H2 đã thế chấp quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số 019/22/HĐTC-9370 ngày 25/02/2022. Hợp đồng này đã được công chứng hợp pháp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp

luật, do đó có hiệu lực pháp luật. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng hai thửa đất số 71 và 88, tờ bản đồ số 67, tọa lạc tại xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp các quyền sử dụng đất nêu trên thì trường hợp ông Q, bà H2 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ các khoản nợ trên thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết. Việc thế chấp tài sản theo đúng quy định pháp luật và trên cơ sở tự nguyện. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về nghĩa vụ trả nợ còn thiếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, thì ông Hoàng Văn Q và bà Nguyễn Thị H2 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả phần nợ còn thiếu cho N. Quy định này phù hợp với nguyên tắc chịu trách nhiệm dân sự của bên có nghĩa vụ nên được chấp nhận.

[3] Chi phí xem xét thẩm định là 5.000.000 đồng. Ngân hàng N đã nộp, ông Q, bà H2 có trách nhiệm thanh toán lại cho Ngân hàng N.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Q, bà H2 chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng N.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 317, 320, 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;
- Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (N) đối với ông Hoàng Văn Q, bà Nguyễn Thị H2.

1.1. Buộc ông Hoàng Văn Q, bà Nguyễn Thị H2 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (N) số tiền tính đến hết ngày 02/4/2026 là 6.211.922.358 đồng (sáu tỷ hai trăm mười một triệu chín trăm hai

mười hai nghìn ba trăm năm mươi tám đồng) (trong đó nợ gốc 4.354.654.782 đồng (bốn tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng); lãi trong hạn 1.510.720.910 đồng (một tỷ năm trăm mười triệu bảy trăm hai mươi nghìn chín trăm mười đồng); lãi quá hạn 137.743.610 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng); lãi chậm trả lãi 208.803.056 đồng (hai trăm lẻ tám triệu tám trăm lẻ ba nghìn không trăm năm mươi sáu đồng)).

Kể từ ngày 03/04/2026, nếu ông Hoàng Văn Q, bà Nguyễn Thị H2 không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông Q, bà H2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 019/22/HĐCV-9370 ngày 25/02/2022 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/019/22/HĐCV-9370 ngày 25/02/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng cho vay số 019/22/HĐCV-9370 ngày 25/02/2022 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/019/22/HĐCV-9370 ngày 25/02/2022, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (N) thì lãi suất mà ông Q, bà H2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (N) theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (N).

1.2. Trong trường hợp ông Hoàng Văn Q, bà Nguyễn Thị H2 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (N) thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (N) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên, xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 019/22/HĐTC-9370 ngày 25/02/2022 để thu hồi nợ.

2. Chi phí xem xét thẩm định: Ông Hoàng Văn Q, bà Nguyễn Thị H2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (N) số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hoàng Văn Q, bà Nguyễn Thị H2 phải chịu 114.211.922 đồng (một trăm mười bốn triệu hai trăm mười một nghìn chín trăm hai mươi hai đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (N) 56.844.146 đồng (năm mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0021719 ngày 01/10/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18
- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh